TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-ST
Ngày 28 – 4 – 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Văn H, sinh năm 1978, tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm vuông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Huỳnh C (đã chết) và bà Lê Thị B (đã chết); bị cáo có vợ tên Phạm Thị A; con có 02 người (nữ); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Bị hại*: Anh Lê Văn B, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Nguyên đơn dân sự:* Chị Phạm Thị A, sinh năm 1982, cư trú tại: Ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Anh Đinh Văn Kh, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

+ Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 15/9/2021, do nước lớn tràn qua bờ ranh vào vuông tại vị trí cống xổ của bị cáo H nên H dùng vỏ chở đất đến đắp. Thấy vậy, B và Lê Văn Đ (em ruột của B) từ trong nhà đi ra lộ đứng cách chỗ H một con kênh rộng khoảng hơn 5m ngăn cản không cho H đắp đất, do giữa H và B có tranh chấp ranh đất trước đó. H không đồng ý nên hai bên dùng lời lẽ thô tục chửi, thách thức, rồi nhặt đất, đá ném qua lại nhưng không trúng; chị A vợ H từ trong nhà ra can ngăn nhưng không được. Lúc này Đ lấy 01 cây vá đào đất nói qua đào bỏ phần đất H vừa đắp, B thì lấy 01 cây dầm bằng gỗ rồi cả hai xuống vỏ bơi sang chỗ H. Thấy vậy H chạy đến vỏ của mình lấy một đoạn tre dài 2,07m, đường kính hai đầu lần lượt là 03cm – 04cm dùng bơi vỏ cầm trên tay. Khi B vừa từ dưới vỏ lên bờ thì xảy ra đánh nhau. Hiếu dùng đoạn tre đang cầm đánh vào đỉnh đầu của Bước 01 cái gây thương tích, rồi đánh tiếp 02 cái nửa trúng vào vai và tay của B nhưng không gây thương tích. Đến dùng vá đang cầm đánh Hiếu 01 cái, Hiếu dùng đoạn tre đang cầm tay đở thì phần lưỡi vá trúng vào ngón 2 và ngón 3 tay phải của H gây thương tích.

Đinh Văn Kh là anh rễ của Bước thấy đánh nhau nên từ trong nhà chạy ra nhặt một đoạn cây mắm bẻ làm đôi cầm ở hai tay dọa đánh H, đồng thời bơi vỏ qua vị trí đánh nhau. Thấy vậy H và chị A bỏ chạy thì B, Đ và Kh đuổi theo, khi đến trước sân nhà ông Ph (cách cống xổ của H khoảng 6m) thì B đuổi kịp và cầm cây dầm đánh trúng vào vùng mong của chị A 02 cái, Kh chạy lên sân của ông Ph rồi dùng đoạn cây đang cầm ném H và A nhưng không trúng. Hai bên tiếp tục dùng lời lẽ thô tục chửi nhau và dùng cây đánh qua lại nhưng không gây thương tích. Do chị A bị ngất xỉu, B bị thương tích chảy máu ở đầu nên tất cả dừng lại. B, Đ và Kh đi về nhà, sau đó được người nhà đưa đến bệnh viện Đầm D; chị A cũng được H đưa đến bệnh viện Đầm D để điều trị.

Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 321/C09B, 322/C09B cùng ngày 31/12/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Bộ công an kết luận thương tích của Lê Văn B như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định là sẹo cong vùng trán đỉnh, bờ không điều, tỷ lệ thương tích tại thời điểm giám định là 03%, do vật tày, vật tày có cạnh gây ra.

Bản Cáo trạng số: 18/CT-VKS ngày 30/3/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đầm D truy tố bị cáo phạm tội "cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Về tội danh tuyên bố bị cáo H phạm tội "cố ý gây thương tích". Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H mức án từ 6 đến 9 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm đến 01 năm 6 tháng, giao cho Ủy ban nhân dân xã Trần Ph giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo H bồi thường cho anh B số tiền 10.932.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 tịch thu tiêu hủy 01 cây tre dài 2.07m, đường kính đầu lớn 04 cm, đầu nhỏ 03 cm; 01 cây dầm bằng gỗ dài 1,51m, một đầu rộng 3cm, 01 đầu rộng 08cm; 01 cây vá đào đất dài 14m, cán bằng gỗ dài 86cm, lưỡi bằng kim loại dài 28cm, rộng 16cm; 01 đoạn cây mắm dài 1,15m, đường kính rộng 05cm, đoạn cây có nhiều nhánh, mắc sần sùi; 01 mãnh gỗ 50cm, chỗ rộng nhất 07 cm, có dấu bể mới, nhọn hai đầu do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D tạm giữ.

Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm bị cáo H chịu theo quy định.

Bị cáo H thừa nhận có gây thương tích cho anh B như cáo trạng truy tố, đồng ý bồi thường cho anh B tiền thuốc và các khoản chi phí hợp lý là 10.932.000 đồng.

Anh Lê Văn B yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật, yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản sau: Tiền thuốc theo toa vé, tiền xe, tiền mất thu nhập của người bệnh và người nuôi bệnh; tiền ăn của người bệnh và người nuôi bệnh với tổng số tiền là 10.932.000 đồng.

Chị Phạm Thị A không yêu cầu anh Lê Văn B bồi thường thiệt hại.

Đối với thương tích của bị cáo H do Lê Văn Đ gây ra và thương tích của chị A do Lê Văn B gây ra, bị cáo H và chị A không yêu cầu xử lý hình sự nên không đặt ra xem xét.

Đối với Lê Văn Đ và Đinh văn Kh có tham gia đánh nhau, trong đó Đ có gây thương tích cho H, nhưng H không yêu cầu xử lý hình sự, nên đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đầm Dơi xử lý hành chính đối với Đ và Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo H khai nhận: Do mâu thuẫn từ việc tranh chấp bờ ranh đất nên bị cáo và anh B có xảy ra cự cãi rồi dẫn đến đánh nhau. Bị cáo H đã dùng đoạn tre là hung khí nguy hiểm đánh vào vùng

trán, đỉnh đầu của anh B gây thương tích cho anh B với tỷ lệ thương tật là 03%. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định thương tích của anh B là do bị cáo gây ra.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trước, trong và sau khi phạm tội bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã bất chấp pháp luật, xem thường sức khỏe của người khác, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và mong muốn cho hậu quả xảy ra.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có người thân có công với cách mạng, bị cáo phạm tội có một phần lỗi của bị hại. Bởi lẽ, anh B và bị cáo H đều xác định phần đất bị cáo H chở đất be bờ ngay cống xổ của bị cáo là phần đất công cộng, đã được Ủy ban nhân dân xã giải quyết buộc giao lại nhưng bị cáo H chưa giao, việc bị cáo H chưa giao trả đất không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của anh B nhưng anh B lại ngăn cản là không đúng.

Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy không cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng có thể răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, có như vậy để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Đảm bảo các điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa chị A không yêu cầu anh B bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tránh nhiệm dân sự: Anh B yêu cầu bị cáo bồi thường tiền thuốc, tiền xe, tiền ăn, tiền mất thu nhập của người bệnh và người nuôi bệnh trong 7 ngày nằm viện là 10.932.000 đồng; bị cáo đồng ý bồi thường nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 tịch thu tiêu hủy các vật chứng dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng đang thu giữ theo quy định.

[6] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của

Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585 Điều 590 của Bộ luật dân sự; Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn H 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Văn H bồi thường thiệt hại cho anh Lê Văn B số tiền 10.932.000 đồng.

Kể từ ngày anh Lê Văn B có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 tịch thu tiêu hủy 01 cây tre dài 2.07m, đường kính đầu lớn 04 cm, đầu nhỏ 03 cm; 01 cây dầm bằng gỗ dài 1,51m, một đầu rộng 3 cm, 01 đầu rộng 08cm; 01 cây vá đào đất dài 14m, cán bằng gỗ dài 86cm, lưỡi bằng kim loại dài 28cm, rộng 16cm; 01 đoạn cây mắm dài 1,15m, đường kính rộng 05cm, đoạn cây có nhiều nhánh, mắc sần sùi; 01 mãnh gỗ 50cm, chỗ rộng nhất 07 cm, có dấu bể mới, nhọn hai đầu do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi tạm giữ.

5. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000 đồng (chưa nộp).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 546.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai